

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/DS-ST

Ngày: 09-5-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Xuân

2. Bà Nguyễn Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Trong các ngày 04 và 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị NL, sinh năm 1956.

Địa chỉ cư trú: Số X, đường NT, khu phố TB, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ TQ, sinh năm 1967.

Địa chỉ cư trú: Khu phố BH, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:*

- Bà Trần Thị NH, sinh năm 1978.

- Ông Ngô Văn R, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 40/26, đường Nguyễn Văn Tiến, khu phố Tân Bình, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

(Bà TQ, bà NH, ông R đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị NL do bà Võ TQ đại diện trình bày: Vào ngày 17/3/2018, bà Trần Thị NH và chồng là ông Ngô Văn R có vay của bà Trần Thị NL số tiền 150.000.000 đồng, việc vay tiền có lập thành văn bản, bà NH và ông R cùng ký tên vào “Bên mượn nợ”, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 02/3/2019. Ngày 17/4/2021, bà Trần Thị NH vay của bà NL số tiền 23.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 27/4/2021. Tuy nhiên, đã hết thời hạn trả nợ theo các giấy mượn nợ này nhưng bà NH và ông R chưa trả cho bà NL khoản tiền nào. Vì vậy, bà NL khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị NH và ông Ngô Văn R trả cho bà số tiền nợ gốc là 173.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng với lãi suất 1,6%/tháng, tính từ ngày 02/3/2018 đến ngày 02/5/2022 là 120.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ vay 23.000.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị NH và ông Ngô Văn R trình bày tại phiên tòa như sau: Ông bà thừa nhận có vay tiền của bà Trần Thị NL nhưng không phải vay một lần 150.000.000 đồng như bà NL trình bày. Thực tế, ông bà vay tiền của bà NL nhiều lần, với tổng cộng nợ gốc là 78.000.000 đồng, hàng tháng ông bà đều đóng lãi cho bà NL 1.000.000 đồng/tháng. Số tiền 150.000.000 đồng là sau này bà NL chốt nợ, cộng cả tiền gốc và tiền lãi lại rồi buộc ông bà ký giấy vay tiền số tiền 150.000.000 đồng. Số tiền 23.000.000 đồng cũng là tiền lãi bà NL cộng dồn nhiều tháng rồi buộc bà NH ký giấy vay tiền ngày 17/4/2021. Nay bà NL khởi kiện yêu cầu ông bà phải trả số tiền nợ gốc là 173.000.000 đồng và tiền lãi là 120.000.000 đồng thì ông bà không đồng ý. Ông bà chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 78.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, bà NL và ông R yêu cầu Tòa án xem xét thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay tiền giữa vợ chồng ông bà và bà NL.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ; không tiến hành hòa giải được vì các bị đơn đã được Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị NL khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị NH và ông Ngô Văn R trả tiền nợ vay theo các Giấy vay tiền ngày 17/3/2018 và 17/4/2021. Các bị đơn hiện đang cư trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Bà Trần Thị NL khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị NH và ông Ngô Văn R trả số tiền nợ vay 150.000.000 đồng và 23.000.000 đồng theo các Giấy vay tiền ngày 17/3/2018 và ngày 17/4/2021. Tại phiên tòa, các bị đơn bà Trần Thị NH và ông Ngô Văn R thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên tại mục “*Bên mượn nợ*” trong các Giấy vay tiền do bà NL cung cấp là của bà NH và ông R. Bà NH cũng xác định chữ viết trong các Giấy vay tiền nêu trên là chữ viết của bà. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định bà Trần Thị NH và ông Ngô Văn R có vay của bà Trần Thị NL số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay từ 02/3/2018 đến ngày 02/3/2019 và vào ngày 17/4/2021 bà NH và ông R có vay tiếp của bà NL số tiền 23.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn từ ngày 17/4/2021 đến ngày 27/4/2021. Tại phiên tòa, bà NH và ông R cho rằng số tiền nợ gốc chỉ có 78.000.000 đồng và hàng tháng ông bà có đóng tiền lãi cho bà NL 1.000.000 đồng/tháng, nay ông bà đồng ý trả số tiền nợ gốc là 78.000.000 đồng và xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, các bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, đồng thời, đại diện nguyên đơn cũng không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của các bị đơn. Do bà NH và ông R đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nên buộc bà Trần Thị NH và ông Ngô Văn R có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị NL số tiền nợ vay 173.000.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện trong vụ án này của các bị đơn tại phiên tòa, thấy rằng: Căn cứ các giấy nợ do nguyên đơn cung cấp thể hiện thời hạn trả nợ cho khoản vay 150.000.000 đồng là ngày 02/3/2019 và thời hạn trả nợ cho khoản vay 23.000.000 đồng là ngày 27/4/2021. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Thời điểm tính thời hiệu trong vụ án này là ngày hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong các Giấy vay tiền, cụ thể là ngày 02/3/2019 và ngày 27/4/2021. Như vậy, đến ngày 13/5/2021 bà Trần Thị NL nộp đơn khởi kiện trực tiếp tại Tòa án là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Xét yêu cầu của bà Trần Thị NL tính lãi đối với khoản vay 150.000.000 đồng với lãi suất 1,6%/tháng, tính từ ngày 02/3/2019 đến ngày 02/5/2022, thấy rằng: Giấy vay tiền đề ngày 17/3/2018 được xác định là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà NH và ông R phải chịu tiền lãi trên nợ gốc đến hạn chưa trả và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, bà NL chỉ yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,6%/tháng từ ngày 02/3/2018 đến ngày 02/5/2022 là 50 tháng, không yêu cầu tính lãi quá hạn là có lợi cho các bị đơn và cũng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải thanh toán tiền lãi đối với khoản vay 150.000.000 đồng như sau: $1,6\%/tháng \times 150.000.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ tháng} = 120.000.000 \text{ đồng}$. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị NL có cơ sở nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị NH và ông Ngô Văn R có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị NL số tiền nợ gốc là 173.000.000 đồng và tiền lãi là 120.000.000 đồng, tổng cộng là 293.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Buộc bà Trần Thị NH và ông Ngô Văn R phải chịu 14.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị NL được chấp nhận, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Trần Thị NL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà NL được miễn nộp tiền tạm ứng án phí do là người cao tuổi (trên 60 tuổi) theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 184, Điều 207, Điều 227, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị NL về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Trần Thị NH và ông Ngô Văn R.

Buộc bà Trần Thị NH và ông Ngô Văn R có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị NL số tiền nợ vay và tiền lãi tổng cộng là 293.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Buộc bà Trần Thị NH và ông Ngô Văn R phải liên đới chịu 14.650.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Bà Trần Thị NL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà NL được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Hoàng Dung